

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **21/2017/DS-ST**

Ngày: 04/10/2017

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Cường.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Xuân Thắng và bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tại - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04/10/2017, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử công khai vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, thụ lý số 88/2017/TLST-DS ngày 31/5/2017; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐST-DS ngày 11/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-DS ngày 27/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 02 L, Quận B – Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Xuân Bửu T – Chức vụ: Giám đốc ngân hàng N – Chi nhánh huyện K.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1983. Chức vụ: Cán bộ tín dụng Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K.

Địa chỉ: số 04 Quang Trung, T². K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Thái Văn L, sinh năm 1972 – *Vắng mặt.*

Bà **Nguyễn Thị Tuyết T**, sinh năm 1976 – *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn An Bình, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K ông Lê Văn D trình bày:**

Ngày 05/02/2015, ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T có thỏa thuận và tự nguyện ký hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500700 về việc vay ngân hàng N – Chi nhánh huyện K số tiền gốc là 250.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 13%/năm. Thời hạn trả kỳ 1 ngày 04/02/2016 trả 50.000.000 đồng gốc và lãi suất phát sinh; kỳ 2 ngày 04/02/2017 trả 50.000.000 đồng gốc và lãi suất phát sinh; kỳ 3 ngày 04/02/2018 trả 150.000.000 đồng và lãi suất còn lại. Theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng thì nếu khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay nếu bên vay không trả đúng hạn nợ gốc hoặc lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển sang nợ quá hạn và tại Điều 7 Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm và được quyền khởi kiện.

Sau khi vay thì ông L, bà T mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền 19.951.389 đồng. Đến nay, đã quá 02 kỳ hạn theo hợp đồng nhưng ông L, bà T không tiến hành trả nợ gốc. Để đảm bảo cho số tiền vay, ngày 03/02/2015 ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TD10/15 về việc thế chấp quyền sử dụng đất số V 424119, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 08, diện tích 610m² (trong đó đất ở 400m² và đất nông nghiệp 201m²), do UBND huyện K cấp ngày 18/9/2002 mang tên Hộ Thái Văn L. Đất tọa lạc tại thôn Quyết Thắng, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Do ông L, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng là 52.506.945 đồng (tạm tính đến ngày 30/3/2017). Trong đó lãi trong hạn 48.513.889 đồng, lãi quá hạn 3.993.056 đồng.

Trường hợp ông L, bà T không trả được nợ vay và lãi suất, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét tuyên cho Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:***

Do có nhu cầu vay vốn nên vào ngày 05/02/2015 vợ chồng tôi có thỏa thuận và tự nguyện ký hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500700 về việc vay ngân hàng N – Chi nhánh huyện K số tiền gốc là 250.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 13%/năm. Thời hạn trả kỳ 1 ngày 04/02/2016 trả 50.000.000 đồng gốc và lãi suất phát sinh; kỳ 2 ngày 04/02/2017 trả 50.000.000 đồng gốc và lãi suất phát sinh; kỳ 3 ngày 04/02/2018 trả 150.000.000 đồng và lãi suất còn lại.

Đến nay, vợ chồng tôi mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền 19.951.389 đồng. Hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng tôi chưa trả được nợ gốc và lãi suất tiếp theo cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 30/3/2017 với tổng số tiền 302.506.945 đồng vợ chồng tôi đồng ý trả nợ nhưng xin Ngân hàng cho vợ chồng tôi một thời gian sẽ thu xếp trả nợ cho Ngân hàng cả gốc và lãi suất.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn. Triệu tập các đương sự ghi bản tự khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng

dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 27/9/2017, bị đơn ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và chuyển xét xử vụ án vào ngày 04/10/2017.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T giữ nguyên ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

*** Về tố tụng:** Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, việc cấp tổng đạt các văn bản cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Thái Văn L không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung vụ án:**

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Thái Văn L bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 302.506.945 đồng. Trong đó: tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi suất trong hạn 48.513.889 đồng, lãi quá hạn 3.993.056 đồng (tạm tính đến ngày 30/3/2017).

Trường hợp ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T không thực hiện việc trả số tiền nợ nêu trên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số V 424119, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 08, diện tích 610m² (trong đó đất ở 400m² và đất nông nghiệp 201m²), do UBND huyện K cấp ngày 18/9/2002 mang tên Hộ Thái Văn L, tại thôn Quyết Thắng, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số TD10/15 ngày 03/02/2015 sẽ bị phát mãi để trả nợ Ngân hàng.

Sau khi ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T trả hết toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi phát sinh trong hạn, quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500700 ngày 05/02/2015 và chấm dứt thế chấp theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng N phải hoàn trả cho ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T giấy tờ về tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định tại Điều 350 BLDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết về phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T, thường trú tại thôn An Bình, xã E, huyện K; đối tượng tranh chấp trong vụ án là hợp đồng tín dụng và nơi thực hiện hợp đồng là tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về phiên hòa giải, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đồng bị đơn ông Thái Văn L vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Thái Văn L.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các đương sự đều xác nhận ngày 05/02/2015 ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T ký hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500700 về việc vay ngân hàng N – Chi nhánh huyện K số tiền gốc là 250.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 13%/năm. Thời hạn trả kỳ 1 ngày 04/02/2016 trả 50.000.000 đồng gốc và lãi suất phát sinh; kỳ 2 ngày 04/02/2017 trả 50.000.000 đồng gốc và lãi suất phát sinh; kỳ 3 ngày 04/02/2018 trả 150.000.000 đồng và lãi suất còn lại. Tuy nhiên, đã quá kỳ hạn theo hợp đồng nhưng ông L, bà T không tiếp tục trả nợ gốc và lãi suất đã thỏa thuận. Do ông L, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng là 52.506.945 đồng (tạm tính đến ngày 30/3/2017); Ông L, bà T thừa nhận tính đến ngày 30/3/2017, ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng là 52.506.945 đồng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện ông L, bà T là có căn cứ nên cần buộc ông L, bà T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 30/3/2017 là 302.506.945 đồng. Đồng thời kể từ ngày 01/4/2017, ông L, bà T còn phải tiếp tục trả lãi suất cho Ngân hàng bao gồm lãi trong hạn, quá hạn (nếu có) trên số tiền gốc chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thấy rằng: ngày 03/02/2015 ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TD10/15 về việc thế chấp quyền sử dụng đất số V 424119, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 08, diện tích 610m² (trong đó đất ở 400m² và đất nông nghiệp 201m²), do UBND huyện K cấp ngày 18/9/2002 mang tên Hộ Thái Văn L. Đất tọa lạc tại thôn Quyết Thắng, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tại Điều 4 của hợp đồng thế chấp thể hiện Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên B không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Căn cứ Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp khi ông L, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết T đề nghị cho thời gian để ông L, bà T thu xếp trả nợ Ngân hàng. Tuy nhiên, ý kiến của bà T không được đại diện Ngân hàng chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 15.125.347 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo mức 302.506.945 đồng x 5% = 15.125.347 đồng)

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K số tiền 7.562.673 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0002763 ngày 26/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 3, Điều 9 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về Tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng N đối với ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Buộc ông Thái Văn L và bà Nguyễn Thị Tuyết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền **302.506.945** đồng (*Ba trăm linh hai triệu năm trăm linh sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*). Trong đó: tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi suất trong hạn 48.513.889 đồng, lãi quá hạn 3.993.056 đồng (tạm tính đến ngày 30/3/2017).

Ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng N kể từ ngày 01/4/2017 dương lịch trên số tiền gốc chưa thanh toán, bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500700 ngày 05/02/2015 mà các bên đã ký kết cho đến khi ông L, bà T trả nợ xong.

Trường hợp ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T không thực hiện việc trả số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số V 424119, thửa đất số 50, tờ bản đồ số 08, diện tích 610m² (trong đó đất ở 400m² và đất nông nghiệp 201m²), do UBND huyện K cấp ngày 18/9/2002 mang tên Hộ Thái Văn L, tại thôn Quyết Thắng, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số TD10/15 ngày 03/02/2015 để thu hồi nợ.

Sau khi ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T trả hết toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi phát sinh trong hạn, quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201500700 ngày 05/02/2015 và chấm dứt thế chấp theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng N phải hoàn trả cho ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T giấy tờ về tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định tại Điều 350 Bộ luật dân sự năm 2005.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Thái Văn L, bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 15.125.347 đồng (*Mười lăm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K số tiền 7.562.673 đồng (*Bảy triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0002763 ngày 26/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Do ông Lê Văn D đại diện nộp).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đồng bị đơn ông Thái Văn L vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.”/

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Cường